TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TRI** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2025/HNGĐ-ST
Ngày 18 - 4 - 2025
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Tâm.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Hiền.
Bà Huỳnh Thị Bích Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Hữu Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 464/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2024 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/3/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2025/QĐST-HNGĐ ngày 01/4/2025 giữa:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thảo N, sinh năm 1999.
Địa chỉ: số 091, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh B.

Bị đơn: Ông Lưu Vĩ T, sinh năm 1999.
Địa chỉ: khu phố A, thị trấn T, huyện B, tỉnh B.

Bà Trần Thị Thảo N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, ông Lưu Vĩ T vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai, Đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Trần Thị Thảo N trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Lưu Vĩ T chung sống với nhau vào năm 2022, có đăng ký kết hôn ngày 02/3/2022 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh B. Thời gian đầu bà và ông T chung sống hạnh phúc, tuy Nên đến tháng 10/2024 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt trầm trọng không thể hàn gắn, mặc dù hai bên gia đình có khuyên nhủ, hoà giải. Bà và ông T ly

thân từ tháng 10/2024 cho đến nay, không sống chung lại với nhau ngày nào. Nay bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông Lưu Vĩ T có 01 con chung tên Lưu Minh K, sinh ngày 17/01/2023 hiện cháu K đang được bà trực tiếp nuôi dưỡng. Bà có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi cháu K theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại Bản tự khai bị đơn ông Lưu Vĩ T trình bày: Ông và bà Trần Thị Thảo N đăng ký kết hôn vào năm 2022 và chung sống với nhau được 02 năm. Ông và bà N có 01 con chung tên Lưu Minh K hiện do bà N đang nuôi dưỡng. Giữa ông và bà N không cùng quan điểm sống và cãi nhau liên tục nên không thể tiếp tục chung sống với nhau. Trước yêu cầu ly hôn của bà N thì ông đồng ý. Ông có yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án, trong quá trình giải quyết và cho đến trước phiên tòa hôm nay Thẩm phán thực hiện đúng các bước theo thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử chấp hành và tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phía nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thảo N đối với bị đơn ông Lưu Vĩ T. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N đối với ông T. Ghi nhận bà N và ông T có 01 con chung tên Lưu Minh K, sinh ngày 17/01/2023. Chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của bà N đối với ông T. Giao cháu Lưu Minh K cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận yêu cầu của bà N về việc cấp dưỡng nuôi con chung, buộc ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu K mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: Bà N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Ba Tri căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Lưu Vĩ T đều vắng mặt dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ các thông báo thụ lý vụ án, các giấy triệu tập ông T tham gia kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng ông T vẫn vắng mặt không lý do; Về phía bà Trần Thị Thảo N có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Lưu Vĩ T và bà Trần Thị Thảo N.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Trần Thị Thảo N và ông Lưu Vĩ T bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2002, có đăng ký kết hôn ngày 02/3/2022 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thuỷ, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Vì vậy, hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Theo lời trình bày của bà N cho rằng, thời gian đầu bà và ông T chung sống hạnh phúc, tuy Nên đến tháng 10/2024 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt trầm trọng không thể hàn gắn, mặc dù hai bên gia đình có khuyên nhủ, hoà giải và ly thân từ tháng 10/2024 cho đến nay, không sống chung lại với nhau ngày nào. Về phía ông Lưu Vĩ T cũng đồng ý giữa ông và bà N không cùng quan điểm sống và cãi nhau liên tục nên không thể tiếp tục chung sống với nhau, trước yêu cầu ly hôn của bà N thì ông cũng đồng ý. Xét thấy, giữa ông Lưu Vĩ T và bà Trần Thị Thảo N có thời gian ly thân đã lâu, trong thời gian này giữa ông T và bà N không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng với nhau. Tòa án thông báo cho ông T các phiên hòa giải, mục đích động viên cho ông và bà N đoàn tụ sống lại với nhau nhưng ông T không chấp hành, xem như ông T đã từ bỏ quyền của mình và không có thiện chí đoàn tụ với bà N. Mặt khác, bà N kiên quyết ly hôn, không đồng ý đoàn tụ với ông T. Hội đồng xét xử thấy rằng, cuộc sống vợ chồng phải được xây dựng trên cơ sở thương yêu, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, bền vững nhưng ông T và bà N không đảm bảo nguyên tắc này, mặc khác ông T cũng đồng ý ly hôn với bà N. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn của ông T và bà N.

Về con chung: Bà Trần Thị Thảo N và ông Lưu Vĩ T có 01 con chung tên Lưu Minh K, sinh ngày 17/01/2023 hiện cháu K đang được bà N trực tiếp nuôi dưỡng, bà N có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật. Xét thấy, hiện cháu K đang sống chung với bà N và được bà N chăm sóc tốt, mặt khác cháu K chưa đủ 36 tháng tuổi nên Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao cháu K cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng tại thời điểm này là phù hợp nên được chấp nhận. Đối với yêu cầu cấp dưỡng của bà N, Hội đồng xét xử thấy rằng theo quy định pháp luật thì người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, do yêu cầu nuôi con chung của bà N được chấp nhận nên yêu cầu này của bà N là phù hợp với quy định pháp luật nhằm để đảm bảo quyền và lợi ích, hợp pháp cũng như đảm bảo cho sự phát triển tốt nhất cho cháu K. Đối với ông Lưu Vĩ T không đến Toà án để giải quyết nên không thể lấy ý kiến của ông T về việc cấp dưỡng nuôi con chung, do đó Toà án chỉ xem xét yêu cầu của bà N. Từ những nhận định nói trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N về việc cấp dưỡng nuôi con chung. Buộc ông Lưu Vĩ T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Lưu Minh K mỗi tháng tương đương 1/2 mức lương tối thiểu vùng, Ba Tri thuộc vùng III nên mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng theo định kỳ hàng tháng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày 18/4/2025.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Lời phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tại phiên tòa về vấn đề tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng là phù hợp. Về nội dung giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri đề nghị là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình: Bà Trần Thị Thảo N phải chịu 300.000 đồng.

Ông Lưu Vĩ T phải chịu 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ các điều 28, 35, 39, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[2] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" của bà Trần Thị Thảo N đối với ông Lưu Vĩ T.

Bà Trần Thị Thảo N được ly hôn với ông Lưu Vĩ T.

[3] Về con chung: Ghi nhận bà Trần Thị Thảo N và ông Lưu Vĩ T có 01 con chung tên Lưu Minh K, sinh ngày 17/01/2023. Chấp nhận yêu cầu nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung của bà N đối với ông T. Giao cháu Lưu Minh K cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc ông Lưu Vĩ T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Lưu Minh K với số tiền 2.000.000 đồng/tháng theo định kỳ hàng tháng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày 18/4/2025.

Ông Lưu Vĩ T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84, Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị Thảo N khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Trần Thị Thảo N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: 0007091 ngày 19/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Buộc ông Lưu Vĩ T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

[6] Đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai tại UBND nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Minh Tâm